

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 01/2022/HS-ST

Ngày: 20-01-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ TÊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông L T2 Dũng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Quyết – Bà Trịnh Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Út – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Đ– Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ– Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện Đà Tê, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 44/2021/TLST-HS ngày 17 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2021/QĐXXST – HS ngày 22 tháng 12 năm 2021; theo Thông báo mở tại phiên tòa số 01/TB-HS ngày 12 tháng 01 năm 2022 đối với:

1. Bị cáo Dương Minh Th, sinh ngày: 13/8/1987, tại: Lâm Đồng. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): TDP 2A, TT. Đà Tê, huyện Đà Tê, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Dương Minh Thước, sinh năm 1954, con bà: Phạm Thị Lan, sinh năm 1966. Vợ: Cấn Thị Hà, sinh năm 1987. Con: có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2021 đến 18/8/2021, sau đó được áp dụng biện pháp Bảo lãnh từ ngày 19/8/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

2. Bị cáo Đoàn Nhật T, sinh ngày: 10/8/1982 tại: An Giang. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): TDP 2B, TT. Đà Tê, huyện Đà Tê, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Đoàn Quang Tế, sinh năm 1943, con bà Bùi Thị Huệ, sinh năm 1947. Vợ: Cấn Thị PH, sinh năm 1984. Con: có 01 con, sinh năm 2008. Tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo bị tạm giam từ ngày 22/4/2021 đến 18/8/2021, sau đó được áp dụng biện pháp Bảo lãnh từ ngày 19/8/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

3. Bị cáo Nguyễn Văn Q, sinh ngày: 20/3/1983 tại: Hải Phòng. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): TDP 2B, TT. Đà Tê, huyện Đà Tê, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 10/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Đức Anh (đã chết),

con bà Nguyễn Thị Lăng, sinh năm 1950. Vợ: Nguyễn Thị Duyên, sinh năm 1984 (đã ly hôn). Con: có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2011. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

4. Bị cáo Chu Thị Xuân H, sinh ngày: 15/4/1979 tại: Bình Thạnh. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): TDP 3B, TT. Đa Têh, huyện Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa. Con ông: Chu Trọng Phúc (đã chết), con bà Hồ Thị Hoa. Chồng: Chu Huỳnh Quang Lâm (đã ly hôn). Con: có 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 18/4/2021, đến ngày 19/4/2021 thì được trả tự do, sau đó được áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 22/4/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

5. Bị cáo Nguyễn Ngọc L, sinh ngày: 30/4/1988 tại: Lâm Đồng. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): TDP 2D TT. Đa Têh, huyện Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Rửa xe. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Văn Mạnh, sinh năm 1962, con bà L Thị Phi, sinh năm 1964. Vợ: Thái Thị PH Quyên, sinh năm 2000. Con: có 01 con, sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 27/4/2021 đến nay. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

6. Bị cáo Bùi Thị Lệ Th1; sinh ngày: 3/7/1992 tại: Lâm Đồng. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): Thôn 6, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Buôn bán. Trình độ văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Bùi Văn Khê, sinh năm 1966, con bà Trần Thị M, sinh năm 1968. Chồng: Nguyễn Linh Duân, sinh năm 1992. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/4/2021 đến ngày 18/8/2021, sau đó được áp dụng biện pháp cho Bảo lãnh từ ngày 19/8/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

7. Bị cáo Nguyễn Thị H1, sinh ngày: 5/8/1974 tại: Quảng Ngãi. Giới tính: Nữ. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT: Thôn 3, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Chỗ ở: Thôn 10, xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông. Nghề nghiệp: Làm nông. Trình độ văn hóa: 7/12. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn A (đã chết), con bà Đỗ Thị Nữ. Chồng: Hồ Văn Q (đã chết). Con có 05 con: lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 19/5/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

8. Bị cáo Nguyễn Trần Minh T2; Sinh ngày: 12/2/1982 tại: Lâm Đồng. Giới tính: Nam. Tên gọi khác: Không. Đăng ký HKTT (chỗ ở): TDP 5A, TT. Đa Têh, huyện Đa Têh, tỉnh Lâm Đồng. Nghề nghiệp: Lái xe. Trình độ văn hóa: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Con ông: Nguyễn Quang Phục, sinh năm 1954 (đã chết), con bà Trần Thị Lan, sinh năm 1954. Vợ: L Thị Diệu, sinh năm 1993. Con: có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự : Không. Về nhân thân: ngày 30/8/2012 T2 bị Công an huyện Đăk Glong quyết định xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi Đánh bạc, T2 đã chấp hành xong. Bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 09/8/2021. Hiện bị cáo đang được tại ngoại. “*Có mặt*”.

*** Người làm chứng:**

1/ Anh Man Viết Th3, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

2/ Chị Nguyễn Thị Ngọc Anh, sinh năm: 1974.

Địa chỉ: TDP 3A, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Lâm Đồng.

3/ Bà Nguyễn Thị PH D, sinh năm: 1960.

Địa chỉ: TDP 6A, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Lâm Đồng.

4/ Chị Trần Thị M, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc Ngãi, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

5/ Chị Nguyễn Thị Kim T3, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Thôn 6, xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

6/ Anh L Chí Tr, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Thôn 8, xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông.

7/ Anh Hồ Văn Quang, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Trường Xuân, huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông.

8/ Anh Nguyễn Duy T2, sinh năm: 1999.

Địa chỉ: TDP 5B, thị trấn Đăk Tô, huyện Đăk Tô, tỉnh Lâm Đồng.

(Tất cả những người làm chứng vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/04/2021, Phòng cảnh sát điều tra tội phạm về Trật tự xã hội Công an tỉnh Lâm Đồng phát hiện Chu Thị Xuân H có hành vi tổ chức ghi số đề (*đánh bạc bằng hình thức cá cược qua kết quả xổ số kiến thiết mở Th trong ngày*), nên đã tạm giữ được của H 01 tờ giấy A4 là “phơi đề” (*số liệu ghi đề*) ngày 18/4/2021. Trước cơ quan điều tra, H khai nhận hàng ngày nhận “phơi đề” của một số người qua tin nhắn điện thoại số 0926.653182 của H, sau đó tập hợp chuyển lại cho chủ đề là Dương Minh Th và Đoàn Nhật T qua số điện thoại 0965.585472 để hưởng hoa hồng. T2 hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Dương Minh Th và Đoàn Nhật T, Cơ quan cảnh điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã Th1 giữ tại nhà của T 01 chiếc điện thoại di động hiệu SamSung, kiểu máy SM-A125F/DS, số sê-ri R58NC2ADSCE, có gắn Sim mặt sau in dãy số 8984048000319974095, Th1ê bao số: 0965.585472

bên trong có tổng cộng 5.491 tin nhắn có nội D liên quan đến hành vi đánh bạc dưới hình thức số lô, đề.

Tại cơ quan điều tra Th, T khai nhận: Khoảng từ tháng 02/2021 Th bàn với T đứng ra làm chủ lô đề (nhà cái) bằng cách sử dụng 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng hiệu SamSung, kiểu máy SM-A125F/DS, số sê-ri R58NC2ADSCE gắn sim điện thoại mạng Vietteli, số Th1ê bao 0965.585472 để nhận số liệu phôi đề từ các “thư ký đề” - người mua số đề trực tiếp bằng hình thức đánh số lô, số đề theo kết quả xổ số miền Nam (*đài Nam*) mở Th lúc 16h20’, kết quả xổ số miền Trung (*đài Trung*) mở Th lúc 17h20’ và kết quả xổ số miền Bắc (*đài Bắc*) mở Th lúc 18h20’ chuyển lại cho Th và T để hưởng hoa hồng. Th và T làm chung với nhau theo hình thức 50/50, lợi nhuận Th và T chia đôi, còn Th1a thì mỗi người chịu một nửa. T là người nhận phôi đề, tính toán, sau đó báo lại cho Th biết tổng số liệu nhận phôi đề trong ngày. Khi có kết quả xổ số kiến thiết trong ngày thì Th và T tính toán số tiền mua đề (*tiền xác*) các “chân rết” giao cho Th và T sau khi trừ tiền hoa hồng và tiền trúng đề Th và T phải Th3 toán lại cho người chơi, bù trừ để hai bên Th3 toán cho nhau bằng tiền mặt đối với người chơi ở Đvà chuyển tiền trúng đề qua tài khoản số: 5411205074625 của Dương Minh Th mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ĐaTĩnh, tỉnh Lâm Đồng.

Từ kết quả Trch xuất dữ liệu trong 02 chiếc điện thoại di động Th1 giữ được của H, T và Th, lời khai của các bị can Cơ quan điều tra Công an tỉnh Lâm Đồng đã làm rõ những người chuyển phôi đề cho Th và T gồm:

Chu Thị Xuân H chuyển phôi đề cho Th và T qua số Th1ê bao: 0926.653182; Nguyễn Ngọc L chuyển phôi đề cho Th và T qua Th1ê bao số: 0343.382149; Bùi Thị Lệ Th1 chuyển phôi đề cho Th và T qua Th1ê bao số: 0862.349052. Nguyễn Thị H1 chuyển phôi đề cho Th và T qua Th1ê bao số: 0398.439610; còn số điện thoại 0933.119998 là của Nguyễn Trần Minh T2 mua số đề của Chu Thị Xuân H ngày 26, 27, 28/3/2021. Th và T sau khi nhận phôi đề của H, L, H1 và Th1 thì cân đối số liệu đề (*tiền mua đề*) nếu người nào *mua đề với 01 con số với số tiền quá lớn thì T sử dụng số điện thoại 0965.585472 và tài khoản zalo “Le Minh Chau” của T chuyển một phần số tiền không cân đối cho Nguyễn Văn Q sử dụng số điện thoại: 0762.378709 và tài khoản Zalo “Nguyen Truong Giang” của Q để hưởng hoa hồng. Số tiền còn lại Th và T giữ lại làm chủ đề.*

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị H1, Bùi Thị Lệ Th1, Chu Thị Xuân H khai nhận tham gia vào đường dây tổ chức đánh bạc bằng hình thức đánh số lô, số đề qua tin nhắn điện thoại của Dương Minh Th và Đoàn Nhật T để hưởng hoa hồng. Cụ thể:

Đối với Nguyễn Ngọc L: Trong thời gian từ ngày 24/02/2021 đến 18/04/2021, L nhận mua số đề với các hình thức đề 2 chữ số, 3 chữ số, bao lô, số đá . . . của một số đối tượng tại Tp. Vũng Tàu (*không xác minh được nhân thân, lai lịch*) theo kết quả xổ số miền Nam, kết quả xổ số miền Bắc bằng số điện thoại 0343.382.149 rồi chuyển về cho Th và T qua số điện thoại 0965.585472 để hưởng hoa hồng 0,5% tổng số tiền L thực chuyển. Trên cơ sở các bị can diễn giải nội D các tin nhắn điện

thoại xác định số liệu đề Nguyễn Ngọc L chuyển cho Th, T và lợi nhuận Th1 được thì Nguyễn Ngọc L đã có 108 lần chuyển số đề cho Th và T với tổng số tiền là 3.313.106.500 đồng, trong đó có 12 lần số tiền đánh bạc >50.000.000 đồng, tổng Th1 lợi bất chính 6.806.040 đồng (*Sáu triệu, tám trăm lẻ sáu ngàn, không trăm bốn mươi đồng*). Đến ngày Th và T bị phát hiện thì L mới Th3 toán số tiền đánh bạc với Th và T đến ngày 17/04/2021 và còn nợ Th và T 22.660.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, sáu trăm sáu mươi ngàn đồng*). Ngày 18/04/2021 các bị cáo mới chuyển phôi đề cho nhau, chưa tổng hợp Th3 toán thì đã bị bắt giữ.

Đối với Bùi Thị Lệ Th1: từ ngày 24/02/2021 đến 18/04/2021 Th1 nhận mua số lô, số đề với các hình thức đề 2 chữ số, 3 chữ số, bao lô, số đá . . . theo kết quả xổ số miền Nam, miền Bắc và miền Trung cho một số đối tượng tại xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông chuyển về cho Th và T qua số Th1ê bao 0965.585472 để hưởng hoa hồng với mỗi hình thức ghi đề khác nhau thì hưởng mức hoa hồng khác nhau. Trên cơ sở nội D các bị can diễn giải nội D các tin nhắn điện thoại xác định số liệu đề Bùi Thị L Th1 chuyển cho Th, T và lợi nhuận Th1 được xác định Bùi Thị Lệ Th1 có 162 lần đánh bạc bằng hình thức “ghi số đề” với Th và T với tổng số tiền đánh bạc là 3.721.544.000 đồng, trong đó có 09 lần số tiền đánh bạc > 50.000.000 đồng, tổng số tiền Th1 Th1 lợi bất chính là: 33.706.125 đồng (*Ba mươi ba triệu, bảy trăm lẻ sáu ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng*). Đến ngày Th và T bị bắt vẫn còn đang nợ Th1 2.530.000 đồng (*Hai triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng*) tiền đánh bạc. Ngày 18/04/2021 các bị cáo mới chuyển phôi đề cho nhau, chưa tổng hợp tính toán thì đã bị bắt giữ.

Đối với Nguyễn Thị H1: Trong thời gian từ ngày 24/02 đến 18/04/2021, H1 nhận mua số lô, số đề với các hình thức đề 2 chữ số, 3 chữ số, bao lô, số đá . . . theo kết quả xổ số miền Nam, miền Bắc và miền Trung cho một số đối tượng (*không xác minh đầy đủ*) tại xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông chuyển về cho Th và T qua số Th1ê bao 0965.585472 để hưởng hoa hồng với mỗi hình thức ghi đề khác nhau thì hưởng mức hoa hồng khác nhau. Tổng cộng Nguyễn Thị H1 có 159 lần đánh bạc với Đoàn Nhật T và Dương Minh Th với tổng số tiền đánh bạc là 1.467.918.000 (*Một tỷ, bốn trăm sáu mươi bảy triệu, chín trăm mười tám ngàn đồng*), có 03 lần số tiền đánh bạc > 50.000.000 đồng, Th1 lợi bất chính 44.734.125 đồng. (*Bốn mươi bốn triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng*). Theo các bị can khai nhận thì đến ngày Th và T bị bắt H1 còn nợ Th và T 9.400.000 đồng (*Chín triệu, bốn trăm ngàn đồng*). Ngày 18/04/2021 các bị cáo mới chuyển phôi đề cho nhau, chưa tổng hợp Th3 toán thì đã bị bắt giữ.

Đối với Chu Thị Xuân H: Trong thời gian từ ngày 6/4/2021 đến 18/4/2021 H đã nhận mua số lô, số đề với các hình thức đề 2 chữ số, 3 chữ số, bao lô, số đá . . . theo kết quả xổ số miền Nam, miền Bắc và miền Trung cho một số đối tượng (*không xác minh hết được*) tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng qua 02 số Th1ê bao: 0926.653182 và số 0522141017 chuyển về cho Th và T qua số Th1ê bao 0965.585472 để hưởng hoa hồng với mỗi hình thức ghi đề khác nhau thì hưởng

mức hoa hồng khác nhau. Tổng cộng Chu Thị Xuân H có 26 lần đánh bạc với Th và T với tổng số tiền: 641.842.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi một triệu, tám trăm bốn mươi hai ngàn đồng*), Th1 lợi bất chính 2.361.500 đồng (*Hai triệu, ba trăm sáu mươi một ngàn, năm trăm đồng*), không có lần nào, số tiền đánh bạc >50.000.000 đồng. Đến ngày bị phát hiện H còn đang nợ Th và T 1.530.000 đồng (*Một triệu, năm trăm ba mươi ngàn đồng*). Ngày 18/04/2021 các bị can mới chuyển phơi đề cho nhau, chưa tổng hợp Th3 toán thì đã bị bắt giữ.

Đối với Nguyễn Văn Q nhận phơi đề của Th và T như sau: Trong thời gian từ ngày 05/04/2021 đến 18/04/2021, Q có 28 lần nhận phơi đề của Th và T với tổng số tiền Th và T chuyển cho Q là: 393.839.000 đồng (*Ba trăm chín mươi ba triệu, tám trăm ba mươi chín ngàn đồng*), rồi Q lại chuyển lại cho đối tượng khác hưởng hoa hồng (*chưa xác minh được nhân thân, lai lịch*). Q đã Th1 lợi bất chính 1.969.195 đồng (*Một triệu chín trăm sáu mươi chín ngàn, một trăm chín mươi lăm đồng*).

Đối với Dương Minh Th và Đoàn Nhật T: Từ ngày 8/2/2021 đến 18/4/2021 Th và T nhận phơi đề của Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Chu Thị Xuân H và một số đối tượng khác (*chưa xác minh được nhân thân, lai lịch*) bằng cách ghi số lô, số đề với các hình thức đề 2 chữ số, 3 chữ số, bao lô, số đá . . . theo kết quả xổ số miền Nam, miền Bắc và miền Trung qua số Th1ê bao 0965.585472 với tổng số tiền: 4.953.151.975 đồng (*Bốn tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, một trăm năm mươi một ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*). Sau khi cân đối đã chuyển cho Nguyễn Văn Q: 263.288.300 đồng (*Hai trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm đồng*), giữ lại làm chủ đề: 4.689.863.675 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Khi kết quả xổ số miền Nam mở Th lúc 16h20', kết quả xổ số miền Trung mở Th lúc 17h20' và kết quả xổ số miền Bắc mở Th lúc 18h20', có người nào trúng với số đã mua (*tiền trúng đề*) Th và T phải Th3 toán lại cho người chơi qua tài khoản số: 5411205074625 của Dương Minh Th mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ĐạTẻh – Lâm Đồng hoặc bằng tiền mặt đối với những người tại ĐạSau khi cân trừ số tiền trên phơi đề. Tổng số tiền Th và T phải chi trả cho người trúng đề: 4.755.615.000 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng*), như vậy Thương và T bị lỗ 65.751.325 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng*), tức Th và T không Th1 lợi. Ngoài ra qua việc nhận phơi đề của người chơi chuyển cho Nguyễn Văn Quý thì Th và T được hưởng hoa hồng: 2.605.000 đồng. Như vậy tổng Th1 lợi bất chính của Th và T từ việc tổ chức đánh bạc bằng hình thức số đề là: - 65.751.325 đồng + 2.605.000 đồng = -63.146.325 đồng (*Ám sáu mươi ba triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng*). Tức Th và T lỗ (*không có Th1 lợi*).

Đối với Nguyễn Trần Minh T2: Vào các ngày 26, 27 và 28/03/2021, T2 đã sử dụng số điện thoại 0933119998 của T2 nhắn tin đến 02 số Th1ê bao

0926.653182 và 0522.141017 của Chu Thị Xuân H để mua số đề, 01 lần mua số đề với số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*), không trúng đề; 01 lần mua số đề với số tiền 4.140.000 đồng (*Bốn triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng*), không trúng. 01 lần mua với số tiền 10.000.000 đồng (*Mười triệu đồng*), khi dò kết quả xổ số T2 trúng được 20.000.000 đồng (*Hai mươi triệu đồng*). Như vậy tổng số tiền đánh bạc của T2 là 29.140.000đ (*Hai mươi chín triệu, một trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 42/CT-VKSĐT-TA ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đa Tễh, tỉnh Lâm Đồng truy tố các bị cáo Dương Minh Th, Đoàn Nhật T, Nguyễn Văn Q về tội: “*Tổ chức đánh bạc*” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015. Truy tố các bị cáo Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2 về tội: “*Đánh bạc*”, quy định tại khoản 1, Điều 321 Bộ luật hình sự; Truy tố các bị cáo Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc L, về tội: “*Đánh bạc*”, quy định tại điểm b khoản 2, Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐGiữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Minh Th từ 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) đến 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Đoàn Nhật T từ 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) đến 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q từ 80.000.000 đồng (tám mươi triệu đồng) đến 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng)..

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị Xuân H từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị Lệ Th1 từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không

giám giữ. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L từ 15 (mười lăm) đến 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 từ 12 (mười hai) đến 15 (mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Hình phạt bổ sung từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch Th1 sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, số sê-ri F2LQV2DZGRWD, số Imei: 353298073770185, có gắn Sim Th1ê bao số 0926.653182, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại hiệu Iphone XS, số sê-ri C39XD6FJKPFR, số IMEI 356168092405625, gắn sim Th1ê bao số 0522.141017, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc máy tính CASIO MX-12B, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc điện thoại SAMSUNG, kiểu máy SM-A125F/DS, số sêri R58NC2ADSCE, có gắn Sim mặt sau in dãy số 8984048000319974095, số Th1ê bao 0965.585472, đã qua sử dụng;
- 01 Chiếc Laptop xách tay hiệu ASUS, model K46CA, mật khẩu, “Khang 2008a”, kèm sạc, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG J1, số Imei: 355231086074921 (không có Sim), đã qua sử dụng.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự; Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch Th1 sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Th1 lợi bất chính mà các bị cáo giao nộp là 130.831.985 đồng (*một trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng*). Buộc bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 phải nộp số tiền Th1 lợi bất chính 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Đoàn Nhật T số tiền 28.920.000 đồng, bị cáo Dương Minh Th số tiền 101.300.000 đồng, bị cáo Chu Thị Xuân H số tiền 201.000.000 đồng nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tiếp tục duy trì Lệnh phong tỏa tài khoản tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) số 5411205071625 của Dương Minh Th, trong tài khoản có số tiền 64.706.603 đồng; tài khoản số 5306205026030 của Bùi Thị Lê Th1, trong tài khoản có số tiền 98.738 đồng; tài khoản số 5306205047887 của Nguyễn Thị H1, trong tài khoản có số tiền 10.870.000 đồng để đảm bảo cho việc thi hành án.

Tại phiên tòa các bị cáo đều đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ân hận về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T2 hành tố tụng, người T2 hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Từ tháng 2/2021 đến 18/04/2021, do hám lợi, Dương Minh Th và Đoàn Nhật T đã có hành vi tổ chức nhận phôi đề (*đánh bạc bằng hình thức cá cược qua kết quả xổ số kiến thiết mở Th trong ngày*) thông qua các “chân rết” là Chu Thị Xuân H, Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1 ... sau đó Trch hoa hồng để các bị cáo này ghi bán đề hoặc nhận phôi đề theo kết quả xổ số kiến thiết của cả 03 miền Bắc, Trung, Nam mở Th trong ngày rồi chuyển bằng lô, đề cho Th và T để hưởng tiền hoa hồng với tổng số tiền 4.953.151.954 đồng. Quá trình điều tra đã xác định Th, T có 162 lần đánh bạc với Bùi Thị Lệ Th1, tổng số tiền: 3.721.544.000 đồng, trong đó có 09 lần số tiền đánh bạc >50.000.000đ, Th1 Th1 lợi bất chính số tiền 33.706.125đồng; 26 lần đánh bạc với Chu Thị Xuân H với tổng số tiền đánh bạc 641.842.000 đồng, H Th1 lợi bất chính số tiền: 2.361.500 đồng; 108 lần đánh bạc với Nguyễn Ngọc L số tiền 3.313.106.500 đồng, trong đó có 12 lần số tiền đánh bạc >50.000.000đồng, L Th1 lợi bất chính 6.806.040 đồng; 159 lần đánh bạc với Nguyễn Thị H1 với số tiền 1.467.918.000 đồng, trong đó có 03 lần số tiền đánh bạc >50.000.000đồng, H1 Th1 lợi bất chính 44.738.550đồng. Sau đó Th và T có 28 lần chuyển phôi đề cho Nguyễn Văn Q với tổng số tiền: 263.288.300 đồng, Th và T hưởng hoa hồng từ Q số tiền 2.605.000 đồng và giữ lại 4.689.863.675 đồng làm chủ đề (không Th1 lợi bất chính do bị lỗ), có 75 lần tổ chức đánh bạc với L mà số tiền đánh bạc >20.000.000đồng/lần, có 80 lần tổ chức đánh bạc với Th1 mà số tiền đánh bạc >20.000.000đồng/lần, có 15 lần tổ chức đánh bạc với H1 mà số tiền đánh bạc >20.000.000đồng/lần và có 32 lần tổ chức đánh bạc với Chung Tú mà số tiền đánh bạc >20.000.000đồng/lần. Còn Nguyễn Văn Q đánh bạc với Th và T số tiền 393.839.000đồng, trong đó có 10 lần số tiền đánh bạc >20.000.000đ/lần, Th1 lợi 1.969.195 đồng. Đến 18 giờ, ngày 18/04/2021 thì H, T và Th bị Phòng cảnh sát hình sự Công an Tỉnh Lâm Đồng phát hiện, tạm giữ vật chứng liên quan đến hành vi ghi bán số đề. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Trần Minh T2 có 02 lần đánh bạc với Chu Thị Xuân H, với số tiền đánh bạc 35.000.000đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội D bản cáo trạng, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tang vật Th1 giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác được phản ánh trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Dương Minh Th, Đoàn Nhật T, Nguyễn Văn Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Tổ chức đánh bạc*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 322 BLHS năm 2015. Hành vi của các bị cáo Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. Hành vi của các bị cáo Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Đánh bạc*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Hành vi tổ chức đánh bạc, đánh bạc trái phép mà các bị cáo đã cố ý thực hiện với động cơ sát phạt lẫn nhau được Th1a bằng tiền nhằm tước đoạt tiền bạc của nhau là hành vi vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội, Nhà nước nghiêm cấm tổ chức đánh bạc và đánh bạc dưới mọi hình thức. Tội phạm này là nguyên nhân dẫn đến mâu Th1lẫn gia đình và các loại tội phạm khác ngoài xã hội, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và nếp sống văn minh tại địa pH. Trong vụ án này, các bị cáo cùng tham gia thực hiện tội phạm một cách tích cực, không có sự xúi giục và không có câu kết chặt chẽ vai trò của từng người, do đó đây là vụ án mang tính đồng phạm giản đơn, cùng cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương ứng với hành vi phạm tội mà từng bị cáo đã thực hiện. Xét vai trò, trách nhiệm của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng:

Đối với Dương Minh Th và Đoàn Nhật T: Từ ngày 08/2/2021 đến 18/4/2021 Th và T nhận phôi đề của Nguyễn Ngọc L, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Chu Thị Xuân H và một số đối tượng khác (*không xác minh được nhân thân, lai lịch*) bằng cách ghi số lô, số đề với các hình thức đề 2 chữ số, 3 chữ số, bao lô, số đá . . . theo kết quả xổ số miền Nam, miền Bắc và miền Trung qua số Th1ê bao 0965.585472 với tổng số tiền: 4.953.151.975 đồng (*Bốn tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, một trăm năm mươi một ngàn, chín trăm bảy mươi lăm đồng*). Sau khi cân đối đã chuyển cho Nguyễn Văn Q: 263.288.300 đồng (*Hai trăm sáu mươi ba triệu, hai trăm tám mươi tám ngàn, ba trăm đồng*), giữ lại làm chủ đề: 4.689.863.675 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm tám mươi chín triệu, tám trăm sáu mươi ba ngàn, sáu trăm bảy mươi lăm đồng*). Khi kết quả xổ số miền Nam mở Th lúc 16h20', kết quả xổ số miền Trung mở Th lúc 17h20' và kết quả xổ số miền Bắc mở Th lúc 18h20', có người nào trúng với số đã mua (*tiền trúng đề*) Th và T phải Th3 toán lại cho người chơi qua tài khoản số: 5411205074625 của Dương Minh Th mở tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện ĐạTẻh – Lâm Đồng hoặc bằng tiền mặt đối với những người tại Đsau khi cân trừ số tiền trên phôi đề. Tổng số tiền Th và T phải chi trả cho người trúng đề: 4.755.615.000 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, sáu trăm mười lăm ngàn đồng*), như vậy Th và T bị lỗ 65.751.325 đồng (*Sáu mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, ba trăm hai*

mười lăm đồng), tức Th và T không Th1 lợi. Ngoài ra qua việc nhận phôi đề của người chơi chuyển cho Nguyễn Văn Quý thì Th và T được hưởng hoa hồng: 2.605.000 đồng. Như vậy tổng Th1 lợi bất chính của Th và T từ việc tổ chức đánh bạc bằng hình thức số đề là: -65.751.325 đồng + 2.605.000 đồng = -63.146.325 đồng (Ám sáu mươi ba triệu, một trăm bốn mươi sáu ngàn, ba trăm hai mươi lăm đồng). Tức Th và T lỗ (không có Th1 lợi).

Do vậy, cần áp dụng một mức hình phạt nghiêm tương xứng với hành vi phạm tội đối với các bị cáo Dương Minh Th, Đoàn Nhật T, Nguyễn Văn Q. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tự nguyện giao nộp tiền Th1 lợi bất chính do hành vi phạm tội của mình thực hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo Th trong thời gian tại ngoại để điều tra đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện Đtố giác 01 hành vi phạm tội khác nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Q có mẹ là bà Nguyễn Thị Lăng là người có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước được Chủ tịch nước tặng Huy CH kháng chiến hạng Nhất, và bị cáo Q tự đến Cơ quan điều tra công an tỉnh Lâm Đồng khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng. Các bị cáo Dương Minh Th, Đoàn Nhật T, Nguyễn Văn Q phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo Th, T và Q ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo với số tiền nhất định tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để sung vào ngân sách nhà nước, cũng đủ để cải tạo, răn đe đối với từng bị cáo đồng thời phòng ngừa chung trong cộng đồng là phù hợp Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đối với các bị cáo Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị H1 cùng tham gia một cách tích cực vào việc thực hiện tội phạm. Do đó, khi quyết định hình phạt cần căn cứ vào vai trò, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương xứng. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo, vì: các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Chu Thị Xuân H, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị H1 tự nguyện giao nộp tiền Th1 lợi bất chính do hành vi phạm tội của mình thực hiện nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra đối với bị cáo H phạm tội lần đầu và Th1ộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Ngọc L, Nguyễn Thị H1 tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án và có xác nhận của cơ quan Công an nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình

sự. Bị cáo Th1 tự đến Cơ quan điều tra công an tỉnh Lâm Đồng khai báo hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo chưa có tiền án, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo Th1 có hoàn cảnh khó khăn chồng không có việc làm ổn định, bị cáo còn phải nuôi 02 con đang còn nhỏ, hiện bị cáo đang cùng chồng thờ cúng ông ngoại liệt sỹ là Phan Nhật. Các bị cáo Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2, Nguyễn Thị H1, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Ngọc L phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo thành người hữu ích là phù hợp Điều 36 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, các bị cáo Chu Thị Xuân H, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Trần Minh T2 có Th1 nhập do vậy cần áp dụng hình phạt bổ sung (là hình phạt tiền) đối với các bị cáo là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự.

[3] Về vật chứng của vụ án: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các vật chứng sau:

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, số sê-ri F2LQV2DZGRWD, số Imei: 353298073770185, có gắn Sim Th1ê bao số 0926.653182, đã qua sử dụng;
- 01 điện thoại hiệu Iphone XS, số sê-ri C39XD6FJKPFR, số IMEI 356168092405625, gắn sim Th1ê bao số 0522.141017, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc máy tính CASIO MX-12B, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc điện thoại SAMSUNG, kiểu máy SM-A125F/DS, số sê-ri R58NC2ADSCE, có gắn Sim mặt sau in dãy số 8984048000319974095, số Th1ê bao 0965.585472, đã qua sử dụng;
- 01 Chiếc Laptop xách tay hiệu ASUS, model K46CA, mật khẩu, “Khang 2008a”, kèm sạc, đã qua sử dụng;
- 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG J1, số Imei: 355231086074921 (không có Sim), đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi phạm tội còn giá trị sử dụng cần tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước là phù hợp điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Đoàn Nhật T số tiền 28.920.000 đồng, bị cáo Dương Minh Th số tiền 101.300.000 đồng, bị cáo Chu Thị Xuân H số tiền 201.000.000 đồng. Tổng cộng 331.220.000 đồng (*Ba trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*) là phù hợp khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Lệnh phong tỏa tài khoản tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) số 5411205071625 của Dương Minh Th, trong tài khoản có số tiền 64.706.603 đồng; tài khoản số 5306205026030 của Bùi Thị Lệ Th1, trong tài khoản có số tiền 98.738 đồng; tài khoản số 5306205047887 của Nguyễn Thị H1, trong tài khoản có số tiền 10.870.000 đồng của Công an huyện Đác hiệu lực cho đến khi các bị cáo thi hành các khoản tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

[4] Về biện pháp tư pháp: Tịch Th1 sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Th1 lợi bất chính mà các bị cáo giao nộp là 130.831.985 đồng (*một trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng*), (*trong đó của Nguyễn Văn Q 1.969.195 đồng theo phiếu Th1 số 0000160 ngày 05/11/2021, Dương Minh Th 1.302.500 đồng theo phiếu Th1 số 0000157 ngày 05/11/2021 và 1.265.000 đồng theo phiếu Th1 0000158, Đoàn Nhật T 2.567.500 đồng theo phiếu Th1 số 0000159 ngày 05/11/2021, Chu Thị Xuân H 3.891.500 theo phếu Th1 số 0000155 ngày 02/11/2021, Nguyễn Ngọc L 29.466.040 đồng theo phiếu Th1 số 0000156 ngày 05/11/2021, Nguyễn Thị H1 40.000.000 đồng theo phiếu Th1 số 0000163 ngày 15/11/2021 và 14.134.125 đồng theo phiếu Th1 số 0000176 ngày 19/01/2022, Bùi Thị L Th1 36.236.125 đồng theo phiếu Th1 0000153 ngày 26/10/2021*) là phù hợp điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 phải nộp số tiền Th1 lợi bất chính 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Dương Minh Th, Đoàn Nhật T, Nguyễn Văn Q phạm tội “Tổ chức đánh bạc”. Các bị cáo Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc L phạm tội “Đánh bạc”.

*** Về hình phạt chính:**

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Dương Minh Th số tiền 170.000.000 đồng (*một trăm bảy mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 và Điều 58 của Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Đoàn Nhật T số tiền 130.000.000 đồng (*một trăm ba mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Q số tiền 90.000.000 đồng (*chín mươi triệu đồng*) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Chu Thị Xuân H 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Bùi Thị Lệ Th1 24 (hai mươi bốn) tháng cải tạo không giam giữ, được trừ 116 ngày tạm giam bằng 348 ngày cải tạo không giam giữ (từ ngày

22/4/2021 đến 18/8/2021). Như vậy bị cáo còn phải chấp hành 12 (mười hai) tháng 24 (hai mươi bốn) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L 18 (mười tám) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 36 và Điều 58 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2, Nguyễn Ngọc L cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đa Tềh, huyện Đa Tềh, tỉnh Lâm Đồng giám sát giáo dục. Giao các bị cáo Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1 cho Ủy ban nhân dân xã Quảng Khê, huyện Đăk Glông, tỉnh Đăk Nông giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa pH trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian chấp hành án.

Các bị cáo Chu Thị Xuân H, Bùi Thị L Th1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc L và Nguyễn Trần Minh T2 không phải khấu trừ Th1 nhập.

*** Về hình phạt bổ sung:** Áp dụng khoản 3 Điều 321 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Chu Thị Xuân H số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Lệ Th1 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H1 số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc L số tiền 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, tịch Th1 sung vào ngân sách nhà nước:

- 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6S Plus, số sê-ri F2LQV2DZGRWD, số Imei: 353298073770185, có gắn Sim Th1ê bao số 0926.653182, đã qua sử dụng;

- 01 điện thoại hiệu Iphone XS, số sê-ri C39XD6FJKPFR, số IMEI 356168092405625, gắn sim Th1ê bao số 0522.141017, đã qua sử dụng;

- 01 chiếc máy tính CASIO MX-12B, đã qua sử dụng;

- 01 chiếc điện thoại SAMSUNG, kiểu máy SM-A125F/DS, số sêri R58NC2ADSCE, có gắn Sim mặt sau in dãy số 8984048000319974095, số Th1ê bao 0965.585472, đã qua sử dụng;

- 01 Chiếc Laptop xách tay hiệu ASUS, model K46CA, mật khẩu, “Khang 2008a”, kèm sạc, đã qua sử dụng;

- 01 chiếc điện thoại di động SAMSUNG J1, số Imei: 355231086074921 (*không có Sim*), đã qua sử dụng.

Hiện những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đtheo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 16/11/2021.

Áp dụng khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo Đoàn Nhật T số tiền 28.920.000 đồng, bị cáo Dương Minh Th số tiền 101.300.000 đồng, bị cáo Chu Thị Xuân H số tiền 201.000.000 đồng. Tổng cộng 331.220.000 đồng (*Ba trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*). Đối với số tiền 331.220.000 đồng (*Ba trăm ba mươi một triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng*) hiện đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đsố: 3949.0.1098084.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Đtheo giấy ủy nhiệm chi lập ngày 17/11/2021 nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

[3] Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự. Tịch Th1 sung vào ngân sách Nhà nước số tiền Th1 lợi bất chính mà các bị cáo giao nộp là 130.831.985 đồng (*một trăm ba mươi triệu tám trăm ba mươi một ngàn chín trăm tám mươi lăm đồng*), (*trong đó của Nguyễn Văn Q 1.969.195 đồng theo phiếu Th1 số 0000160 ngày 05/11/2021, Dương Minh Th 1.302.500 đồng theo phiếu Th1 số 0000157 ngày 05/11/2021 và 1.265.000 đồng theo phiếu Th1 0000158, Đoàn Nhật T 2.567.500 đồng theo phiếu Th1 số 0000159 ngày 05/11/2021, Chu Thị Xuân H 3.891.500 theo phiếu Th1 số 0000155 ngày 02/11/2021, Nguyễn Ngọc L 29.466.040 đồng theo phiếu Th1 số 0000156 ngày 05/11/2021, Nguyễn Thị H1 40.000.000 đồng theo phiếu Th1 số 0000163 ngày 15/11/2021 và 14.134.125 đồng theo phiếu Th1 số 0000176 ngày 19/01/2022, Bùi Thị L Th1 36.236.125 đồng theo phiếu Th1 0000153 ngày 26/10/2021*) theo các phiếu Th1 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Têh. Buộc bị cáo Nguyễn Trần Minh T2 phải nộp số tiền Th1 lợi bất chính 20.000.000 đồng để sung vào ngân sách nhà nước.

* Về Phong tỏa tài khoản: Áp dụng Điều 129 Bộ luật tố tụng hình sự:

Lệnh phong tỏa tài khoản tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) số 01/L đối với số tài khoản 5411205071625 của Dương Minh Th, trong tài khoản có số tiền 64.706.603 đồng; số 03/L đối với số tài khoản số 5306205026030 của Bùi Thị Lệ Th1, trong tài khoản có số tiền 98.738 đồng; số 02/L đối với số tài khoản số 5306205047887 của Nguyễn Thị H1, trong tài khoản có số tiền 10.870.000 đồng của Công an huyện Đcó hiệu lực cho đến khi các bị cáo thi hành các khoản tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo bị cáo Dương Minh Th, Đoàn Nhật T, Nguyễn Văn Q, Chu Thị Xuân H, Nguyễn Trần Minh T2, Bùi Thị Lệ Th1, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Ngọc L mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này Ln Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đạ Tẻh;
- Công an huyện Đạ Tẻh;
- Các bị cáo;
- Agribank chi nhánh Đạ Tẻh;
- Thị hành án dân sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

(đã ký)

Lê Tiến Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Tất Quyết – Trịnh Thị Thủy

L T2 Dũng